

Số: 403/QĐ-TCMT

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
Số: 1287
ĐẾN: Ngày: .....
Chuyển: .....
Lưu: Mã số số: .....

**QUYẾT ĐỊNH**

Ban hành hướng dẫn kỹ thuật phân loại đất ngập nước

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học;

Căn cứ Quyết định số 25/2014/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Môi trường trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo tồn đa dạng sinh học,

**QUYẾT ĐỊNH:**

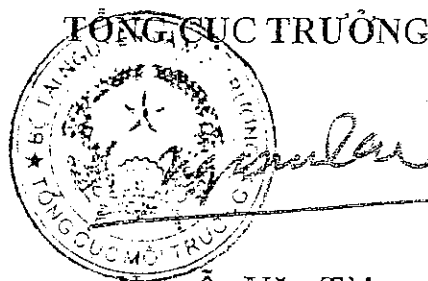
**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn kỹ thuật phân loại đất ngập nước.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Tổng cục, Cục trưởng Cục Bảo tồn đa dạng sinh học, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Website của Tổng cục Môi trường;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT, BTĐDSH (150).



Nguyễn Văn Tài

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

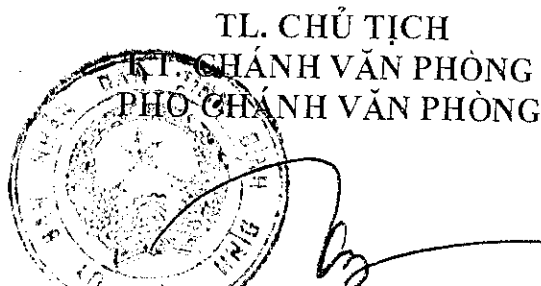
SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 402/SY-UBND

Bình Định, ngày 13 tháng 3 năm 2017

**Nơi nhận:**

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND các huyện, TX, TP;
- PVPNN, K4, K10, K13;
- Lưu: VT (17b)



## HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT PHÂN LOẠI ĐẤT NGẬP NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1093/QĐ-TCMT ngày 22 tháng 8 năm 2016  
của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường)

### I. Mục đích

Hướng dẫn kỹ thuật này được dùng cho các hoạt động liên quan đến điều tra, thống kê, kiểm kê đất ngập nước phục vụ công tác bảo tồn đa dạng sinh học và sử dụng khôn khéo tài nguyên đất ngập nước.

### II. Mô tả các kiểu đất ngập nước ở Việt Nam

1. Đất ngập nước là những vùng đầm lầy, than bùn, vùng nước tự nhiên hay nhân tạo, vùng ngập nước thường xuyên hoặc tạm thời, là nước ngọt, nước lợ hoặc nước mặn, kể cả những vùng biển có độ sâu không quá 6m khi ngấn nước thủy triều thấp nhất.

2. Dựa vào các yếu tố thủy - hải văn, địa hình, địa mạo, điều kiện thổ nhưỡng, mức độ tác động của con người và ảnh hưởng của các yếu tố biển, lục địa, đất ngập nước được chia thành 03 (ba) nhóm như sau:

a) *Đất ngập nước biển, ven biển* (còn gọi đất ngập nước mặn - lợ) là những vùng đất ngập nước mặn, lợ ở ven biển, những đảo nhỏ và những vùng ven đảo lớn, chịu ảnh hưởng bởi thủy triều ven biển.

b) *Đất ngập nước nội địa* (còn gọi đất ngập nước ngọt) là những vùng đất ngập nước nằm trong lục địa hoặc nằm gần ven biển.

c) *Đất ngập nước nhân tạo*: là các vùng đất ngập nước được hình thành bởi tác động của con người.

3. Dựa vào điều kiện địa hình, địa mạo, thủy - hải văn (chế độ ngập nước và thủy hóa); thổ nhưỡng (cấu trúc đất và địa hóa); thảm thực vật và hiện trạng sử dụng mặt đất và nước, đất ngập nước Việt Nam được chia thành 26 kiểu phân bố như sau:

a) Đất ngập nước biển và ven biển (9 kiểu):

- *Vùng biển nông ven bờ, bao gồm cả vũng, vịnh có độ sâu không quá 6m khi ngấn nước thủy triều thấp nhất (Vbn)* là vùng biển ven bờ, ven vũng, vịnh và chịu ảnh hưởng trực tiếp của chế độ hải văn được giới hạn ở độ sâu không quá 6m khi ngấn nước thủy triều thấp nhất. Trong đó, vũng, vịnh là một phần của biển lõm vào lục địa hoặc do đảo chắn tạo thành một vùng nước khép kín ở mức độ nhất định mà trong đó động lực biển thống trị.

- *Thảm cỏ biển (Tcb)* là thảm thực vật chiếm ưu thế bởi một hoặc một số loài cỏ biển, chủ yếu sống ngập chìm dưới nước biển ở vùng dưới triều hoặc vùng triều thấp, một số loài đôi khi ở vùng trung triều. Cỏ biển phân bố ở các vùng biển nông ven bờ, ven đảo, ven vũng vịnh, đầm phá mặn, lợ và vùng cửa sông có độ trong cao.

- *Rạn san hô (Rsh)* được thành tạo từ các thể hệ san hô tạo rạn với cấu tạo cơ thể chứa cacbonat canxi tiết ra và tích tụ lại thành cấu trúc đá vôi lớn nâng đỡ san hô đang sống và làm nơi cư trú cho rất nhiều loài động, thực vật khác sống trong rạn.

- *Các vùng bờ biển có vách đá, kể cả vùng có vách đá ngoài khơi (Bvd)* là nơi tiếp giáp giữa vùng nước biển và đất liền (hoặc đảo ven bờ), có nền đáy được cấu thành bởi các tầng đá rắn chắc (chiếm trên 75% diện tích bề mặt) và chịu ảnh hưởng trực tiếp của chế độ thủy triều và dòng chảy ven bờ.

- *Bãi vùng gian triều, bao gồm cả bãi bùn sét, cát, sỏi, cuội, cồn cát (Bgt)* là vùng bãi ven biển luân phiên phơi bãi và ngập nước khi thủy triều xuống và lên, được giới hạn phía trong là khu trên triều, phía ngoài biển là khu ngập triều. Thành phần trầm tích của bãi gian triều có thể là cát, bùn, sét, cuội, sỏi hoặc hỗn hợp giữa chúng, cồn cát chắn ngoài cửa sông, không hoặc chỉ có thực vật dạng cỏ, cây bụi.

- *Vùng nước cửa sông (Vcs)* là vùng đất bị ngập nước bởi sự hòa trộn giữa nước sông và nước biển; ranh giới phía trong có độ muối vào mùa khô là 1‰ và ranh giới phía ngoài là đường đẳng mặn của nước biển vùng xung quanh.

- *Rừng ngập mặn (rừng tự nhiên hoặc rừng trồng) (Rnm)* là rừng phát triển ở ven bờ biển và các cửa sông có nước triều mặn ngập thường xuyên hoặc định kỳ. Độ tàn che của tán cây là thành phần chính của rừng phải từ 10% trở lên.

- *Đầm, phá ven biển (Dp)* là kiểu thủy vực ven bờ biển có nước mặn, lợ hoặc rất mặn, được tách ra khỏi biển nhờ một dạng tích tụ như doi cát, rạn san hô chắn ngoài và ăn thông với biển qua một hay nhiều cửa.

- *Các-xơ và hệ thống thủy văn ngầm biển và ven biển (bao gồm cả thung hoặc từng, áng) (Cvb)* là các dạng địa hình ngầm, rỗng trong khối đá các-xơ phân bố ở vùng ven biển và biển, được thành tạo do hoạt động của nước dưới đất và nước bề mặt hòa tan, rửa lữa các đá dễ hòa tan (đá vôi, đolomit).

b) Đất ngập nước nội địa (8 kiểu):

- *Sông, suối có nước thường xuyên (Stx)*: trong đó, sông là dòng nước chảy thường xuyên, có nguồn cung cấp là nước mặt hay nước ngầm; suối là dòng nước chảy nhỏ và vừa quanh năm, thường là các phụ lưu của sông.

- *Sông, suối có nước theo mùa (Stm)* là dòng chảy nhỏ, hẹp, có lưu lượng nước biến đổi mạnh theo mùa, có nước vào mùa mưa và cạn nước vào mùa khô.

- *Hồ tự nhiên (Htn)* là vùng trũng sâu chứa nước, được hình thành tự nhiên, có chế độ thủy văn tương đối tĩnh và chịu ảnh hưởng trực tiếp của các dòng chảy mặt và dòng chảy ngầm, có phủ hoặc không có lớp phủ thực vật.

- *Vùng đất than bùn có rừng, cây bụi hoặc không có thực vật che phủ (Tb)* là vùng đất có tầng than bùn được hình thành từ các thảm thực vật bị vùi lấp nhiều năm, tích tụ lại trong điều kiện ngập úng, hiện hữu rừng cây gỗ, cây bụi mọc ở trên hoặc không có thực vật che phủ.

- *Vùng ngập nước có cây bụi chiếm ưu thế và ngập nước theo mùa (Cb)* là các vùng đất thấp, úng ngập tự nhiên; đầm lầy, phát triển ưu thế các loài cây bụi hoặc cây lá nổi với độ che phủ > 30%.

- *Vùng ngập nước có cây gỗ chiếm ưu thế và ngập nước theo mùa (Cg)* là vùng đất thấp, ngập tự nhiên; đầm lầy, phát triển ưu thế các loài cây thân gỗ với độ che phủ > 30%, thường phân bố ở các đồng bằng ngập lũ vùng hạ lưu sông, chịu ảnh hưởng của nước lũ hoặc vùng đầm lầy nội địa và chịu ảnh hưởng trực tiếp của nước ngầm.

- *Suối, điểm nước nóng, nước khoáng (Snn)* là nơi có nước tự nhiên chảy ra từ lòng đất, luôn có nhiệt độ cao hoặc chứa một số khoáng chất có hoạt tính sinh học với nồng độ cao (ở dạng dòng chảy được gọi là suối, ở dạng mạch được gọi là điểm).

- *Hệ thống thủy văn ngầm các-xtơ và hang, động nội địa (Cnd)* là các dạng địa hình ngầm, rỗng trong khối đá các-xtơ phân bố ở trong đất liền, được thành tạo do hoạt động của nước dưới đất và nước bề mặt hòa tan, rửa lữa các đá dễ hòa tan (đá vôi, dolomit).

c) Đất ngập nước nhân tạo (9 kiểu):

- *Ao, hồ, đầm nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợ (Anm)* là vùng trũng chứa nước mặn, lợ do con người tạo nên ở vùng triều ven bờ, cửa sông và trên bãi cát ven biển để nuôi trồng các loài thủy sản sống trong nước mặn, lợ.

- *Đồng cỏi (Dc)* là vùng đất ven biển được con người sử dụng để trồng cỏi, gồm cả vùng cỏi mọc tự nhiên.

- *Đồng muối (Dm)* là vùng đất ven biển được con người cải tạo sử dụng để làm muối.

- *Ao, hồ, đầm nuôi trồng thủy sản nước ngọt (Ann)* là vùng trũng chứa nước ngọt được con người đào để nuôi trồng các loài thủy sản nước ngọt.

- *Đất canh tác nông nghiệp (Dnn)* là các vùng đất được sử dụng để trồng lúa nước và các loại hoa màu bị ngập hoặc bán ngập nước.

- *Hồ chứa nước nhân tạo (Hnt)* do con người tạo ra từ xây đập ngăn dòng sông, suối để chứa nước phục vụ nhu cầu thủy điện, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt.

- *Moong khai thác khoáng sản (Mks)* gồm các vùng trũng, hồ đào và vũng nước rửa được hình thành do quá trình khai thác khoáng sản lộ thiên.

- *Ao, hồ chứa và xử lý nước thải (Vxl)* là các vùng trũng do con người tạo ra dùng để thu gom, chứa và xử lý nước thải trước khi xả ra môi trường xung quanh.

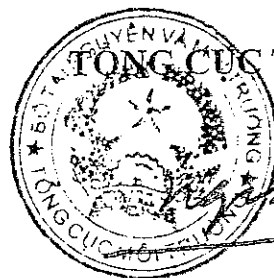
- Sông đào, kênh, mương, rạch (Sd) là hệ thống dẫn nước do con người tạo ra nhằm phục vụ cho các hoạt động giao thông thủy, tưới, tiêu hoặc điều tiết nước phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp và sinh hoạt.

### III. Hệ thống phân loại đất ngập nước ở Việt Nam

Hệ thống phân loại đất ngập nước ở Việt Nam bao gồm 03 nhóm với 26 kiểu. Các kiểu đất ngập nước này được ký hiệu bởi những chữ cái tiếng Việt viết tắt cho kiểu (từ hai đến ba ký tự) và tương ứng với các ký hiệu kiểu đất ngập nước theo phân loại của Công ước Ramsar. Cụ thể như sau:

Nhóm	Các kiểu đất ngập nước		
	Tên kiểu đất ngập nước	Kí hiệu của Việt Nam	Ký hiệu của Ramsar
Đất ngập nước biển và ven biển	1. Vùng biển nông ven bờ, bao gồm cả vũng, vịnh có độ sâu không quá 6 m khi nước thủy triều thấp nhất	Vbn	A
	2. Thảm cỏ biển	Tcb	B
	3. Rạn san hô	Rsh	C
	4. Các vùng bờ biển vách đá, kể cả vùng có vách đá ngoài khơi	Bvd	D
	5. Bãi vùng gian triều, bao gồm cả bãi bùn sét, cát, sỏi, cuội, cồn cát	Bgt	E, G
	6. Vùng nước cửa sông	Vcs	F
	7. Rừng ngập mặn (rừng tự nhiên hoặc rừng trồng)	Rnm	I
	8. Đầm, phá ven biển	Dp	J
	9. Các-xtơ và hệ thống thủy văn ngầm biển và ven biển (bao gồm cả thung hoặc từng áng)	Cvb	Zk(a)
Đất ngập nước nội địa	1. Sông, suối có nước thường xuyên	Stx	M
	2. Sông, suối có nước theo mùa	Stm	N
	3. Hồ tự nhiên	Htn	O, P
	4. Vùng đất than bùn có rừng, cây bụi hoặc không có thực vật che phủ	Tb	U, Xp

	5. Vùng ngập nước có cây bụi chiếm ưu thế và ngập nước theo mùa	Cb	W
	6. Vùng ngập nước có cây gỗ chiếm ưu thế và ngập nước theo mùa	Cg	Xf
	7. Suối, điểm nước nóng, nước khoáng	Snn	Zg
	8. Hệ thống thủy văn ngầm các-xto và hang, động nội địa	Cnd	Zk(b)
Đất ngập nước nhân tạo	1. Ao, hồ, đầm nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợ	Anm	1, 2
	2. Đồng cỏ	Dc	4
	3. Đồng muối	Dm	5
	4. Ao, hồ, đầm nuôi trồng thủy sản nước ngọt	Ann	1, 2
	5. Đất canh tác nông nghiệp	Dnn	3
	6. Hồ chứa nước nhân tạo	Hnt	6
	7. Moong khai thác khoáng sản	Mks	7
	8. Ao, hồ chứa và xử lý nước thải	Vxl	8
	9. Sông đào, kênh, mương, rạch	Sd	9



Nguyễn Văn Tài